

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/9/2024
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Ông
Hoàng Xuân Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26/6/2024, về
việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
33/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số
26/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng
mặt)

Địa chỉ: Số 277 thôn N, xã E, huyện C, Đ

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN

-*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai
nguyên đơn anh Phạm Văn Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th kết hôn với chị Ph năm 2015 có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do
hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh
phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hiểu nhau,
không cùng quan điểm sống, đến năm 2018 chị Ph đi làm ăn xa, sau đó chị Ph
không về. Anh Th có liên lạc tìm kiếm nhưng không ai biết được thông tin gì của
chị Ph. Đến tháng 10/2023, anh Th làm đơn yêu cầu Tòa án huyện Cư Jut tuyên
bố chị Ph mất tích, ngày 28/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Cư Jut đã tuyên bố
chị Ph mất tích theo quyết định số 01 ngày 28/3/2024. Do vậy, anh Th đề nghị được
ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Anh Th và chị Ph có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng
Đăng Kh, sinh ngày 31/10/2015. Khi chị Ph bỏ nhà đi cháu Phạm Hoàng Đăng Kh

ở với anh Th từ đó cho đến nay. Vì vậy, khi ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Kh đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Th không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị Ph*: Qua xác minh tại chính quyền địa Ph, chị Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú và không còn sinh sống tại thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đ; về mâu thuẫn vợ chồng của anh Th và chị Ph Ban tự quản thôn không nắm được. Tuy nhiên, anh Th và chị Ph không còn sống chung với nhau cách đây khoảng 03 năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn chị Phạm Thị Ph. Tuy nhiên, chị Ph không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với chị Ph, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Th đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn chị Phạm Thị Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Th được ly hôn với chị Phạm Thị Ph.

Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 31/10/2015 cho anh Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phạm Văn Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn với chị Phạm Thị Ph, chị Ph là bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 06/9/2024 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th kết hôn với chị Ph 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung sau đó chị Ph đi làm ăn xa, không về nhà. Anh Th đã tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của chị Ph. Đến tháng 10/2023, anh Th làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích với chị Ph. Ngày 28/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Cư Jut ban hành quyết định tuyên bố một người mất tích số 01/2024/QĐST-VDS đối với chị Ph. Theo biên bản xác minh ngày 27/6/2024 Ban tự quản thôn Nam Thanh, xã Ea Pô cho biết: chị Ph có đăng ký thường trú tại và hiện không còn sinh sống tại thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đ, chị Ph đi đâu chính quyền địa phương không nắm được; đối với mâu thuẫn vợ chồng của anh Th và chị Ph Ban tự quản thôn không nắm được mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh Th, chị Ph.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn Th là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh Phạm Văn Th xin được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 31/10/2015 thể hiện trách nhiệm của người cha với con. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ph vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc với cháu Phạm Hoàng Đăng Kh thì cháu Kh có nguyện vọng ở với anh Th. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Kh cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Th phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị Ph.

2. *Về con chung:* Giao con chung Phạm Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 31/10/2015 cho anh Phạm Văn Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn Th, chị Phạm Thị Ph có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Buộc anh Phạm Văn Th phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005124, ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS H. Cư Jút;
- UBND xã Ea Pô;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Hường